



**CUỘC THI “Ý TƯỞNG KHỞI NGHIỆP HỌC SINH,
SINH VIÊN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP” NĂM 2021**



DỰ ÁN
**“SẢN XUẤT CẦU KIẾN ĐÚC SẴN BẰNG BÊ TÔNG
CỐT SỢI TÍNH NĂNG CAO ỨNG DỤNG CHO CÁC
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH”**



Thực hiện: NHÓM SV KHOA XÂY DỰNG

1. Trần Thanh Phương
2. Huỳnh Văn Phúc
3. Nguyễn Thanh Triều
4. Nguyễn Thạch Viết Chánh

Thực trạng sử dụng vật liệu Bê tông



Bê tông dễ nứt, thấm mĩ kém, tổn nhiều cốt liệu

Giải pháp Bê tông cốt sợi



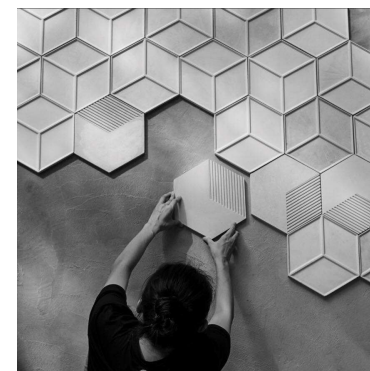
Tăng độ bền, chịu lực;
Sản phẩm hoàn thiện có
thấm mĩ cao, nhiều ứng dụng

Kinh doanh bê tông cốt sợi đúc sẵn



Đúc sẵn các cấu kiện BTCS, ứng dụng từ trang trí nội thất đến phục vụ công trình hạ tầng

MÔ TẢ SẢN PHẨM KINH DOANH



Sử dụng VL sợi trong bê tông: Sợi thủy tinh, cacbon, sợi thép, poli..tạo bê tông có nhiều ưu điểm vượt trội và tính ứng dụng cao



MÔ TẢ SẢN PHẨM KINH DOANH





HÌNH THỨC & CÁCH THỨC KINH DOANH



Thị trường mục tiêu:

- Trong ngắn hạn: các chủ đầu tư riêng lẻ, các công trình khu dân cư quy mô vừa và nhỏ.
- Dài hạn: Ban quản lý dự án, các dự án đầu tư khu dân cư, khu đô thị lớn.

Hình thức và cách thức kinh doanh:

- Tiếp thị trực tiếp, sử dụng hình ảnh trực quan;
- Quảng cáo tại các hội chợ, triển lãm, online, tại các showroom..
- Sử dụng phần mềm để quản lý việc bán hàng;
- Nghiên cứu phát triển, đa dạng mẫu mã sản phẩm, sản xuất theo yêu cầu khách hàng.



TÍNH KHẢ THI & CẠNH TRANH



- **Về sản phẩm:** nhiều ưu điểm, tính ứng dụng cao, rút ngắn tiến độ
- **Về thị trường:** thị trường rộng lớn, sản phẩm còn mới mẻ tại Việt Nam cùng với ngành CN xây dựng ngày càng phát triển.
- **Về đối thủ cạnh tranh:** Chưa có nhiều đối thủ cạnh tranh. Việc tham gia vào thị trường ngách, nhỏ lẻ trong ngắn hạn hầu như không có đối thủ cạnh tranh.
- **Về tính bền vững:** Xu hướng sử dụng trong tương lai và ủng hộ của Chính Phủ là nền tảng vững chắc để phát triển.
- **Khả năng mở rộng quy mô và lợi nhuận:** không có nhiều rào cản trong việc mở rộng quy mô.



KẾ HOẠCH LÃI – LỖ CỦA DỰ ÁN



KẾ HOẠCH LÃI - LỖ DỰ ÁN						
					DVT: đồng	
Khoản mục	Năm					Ghi chú
	1	2	3	4	5	
Doanh thu thuần	1.284.000.000	1.689.200.000	2.694.686.000	4.021.235.360	5.177.340.526	
Giá vốn hàng bán	946.200.000	1.169.060.000	1.768.603.870	2.471.467.094	3.103.990.479	
Lãi gộp	337.800.000	520.140.000	926.082.130	1.549.768.266	2.073.350.047	
Chi phí hoạt động	120.000.000	132.000.000	145.200.000	159.720.000	175.692.000	10-20 triệu/tháng
Thu nhập trước thuế và lãi vay phải trả	217.800.000	388.140.000	780.882.130	1.390.048.266	1.897.658.047	
Lãi vay phải trả	78.000.000	62.400.000	46.800.000	31.200.000	15.600.000	
Thu nhập trước thuế	139.800.000	325.740.000	734.082.130	1.358.848.266	1.882.058.047	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.960.000	65.148.000	146.816.426	271.769.653	376.411.609	20%
Lợi nhuận sau thuế	111.840.000	260.592.000	587.265.704	1.087.078.612	1.505.646.438	



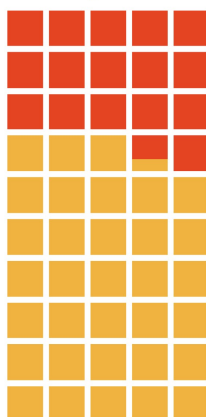
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG & ĐỀ XUẤT CHIẾN LƯỢC



*Xu hướng thay đổi lớn nhất
của thị trường XD-VLXD
sau COVID-19*

*(Nguồn Vietnam Report -
Báo cáo ngành Bất động sản
- Xây dựng năm 2021)*

66,7%



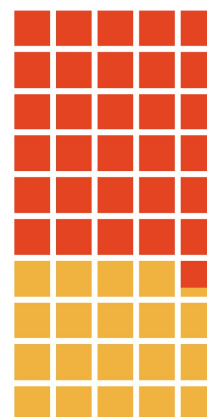
Ngày càng có nhiều nhà đầu tư lớn và thông thái hơn tham gia xây dựng, với yêu cầu cao hơn về quy mô và phân phối dự án

61,1%



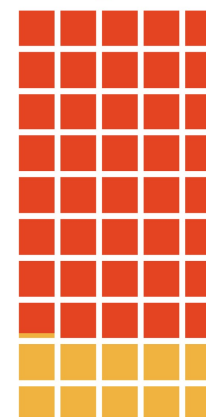
Mức độ quan tâm của khách hàng đối với các tòa nhà "thông minh" ngày càng tăng

38,9%



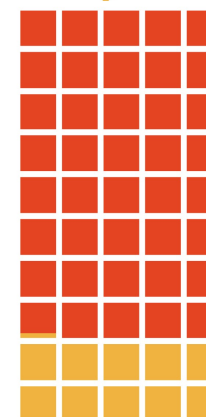
Khách hàng chú trọng nhiều hơn đến tính bền vững trong ngành

22,2%



Lao động lành nghề trở nên khan hiếm và đắt đỏ

22,2%



Các quy định, quy tắc xây dựng đang thay đổi, trở nên hài hòa hơn để tạo ra phương pháp xây dựng tiêu chuẩn



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG & ĐỀ XUẤT CHIẾN LƯỢC



SWOT	CƠ HỘI	THÁCH THỨC
	Xu hướng đô thị hóa và nhu cầu xây dựng nhà ở tăng; Thị trường BĐS có những dấu hiệu phục hồi và sôi động; Xu hướng sử dụng vật liệu xây dựng theo hướng công nghệ mới, thân thiện. - Các đề án của CP được phê duyệt ưu tiên đẩy mạnh sử dụng bê tông cốt sợi phi kim thay thế bê tông cốt thép.	- Tâm lý ngại thử nghiệm cái mới - Chưa được nhiều chủ đầu tư, khách hàng biết và sử dụng. - Ảnh hưởng đại dịch covid 19; Kinh tế toàn cầu giảm tốc tác động đến nhu cầu đầu tư và ảnh hưởng đến nền kinh tế
ĐIỂM MẠNH	CHIẾN LƯỢC S - O	CHIẾN LƯỢC S - T
- Sản phẩm có nhiều ưu điểm vượt trội - Nguồn nguyên vật liệu dồi dào - Quy trình sản xuất đơn giản, dễ tiếp cận công nghệ; Các quy chuẩn, tiêu chuẩn đã đầy đủ. - Chính sách ưu tiên phát triển của CP.	- Chiến lược phát triển sản phẩm; - Chiến lược thâm nhập thị trường;	- Chiến lược bán hàng; - Chiến lược đa dạng hóa sản phẩm;
ĐIỂM YẾU	CHIẾN LƯỢC W - O	CHIẾN LƯỢC W - T
- Việc đưa sản phẩm ra thị trường trong nước chưa được chú trọng nhiều. - CĐT còn đắn đo cho việc chi phí	- Chiến lược thâm nhập thị trường;	- Giảm thiểu chi phí, chờ đón cơ hội



HIỆU QUẢ KT – XH VÀ ỨNG DỤNG THỰC TẾ



Hiệu quả kinh tế:

- Là một trong những công nghệ ưu việt, đặc biệt rất phù hợp với khí hậu Việt Nam, giúp cho các nhà đầu tư gia tăng hiệu quả kinh tế do tiết kiệm thời gian lao động tại hiện trường, thời gian lắp đặt cốt thép, đẩy nhanh tiến độ thi công và không cần nhân công trình độ cao, do đó giảm giá thành xây dựng.

Lợi ích xã hội:

- Bổ sung, đa dạng hóa ngành công nghệ vật liệu;
- Góp phần xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu khi được ứng dụng rộng rãi.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN QUÝ THẦY CÔ
ĐÃ LẮNG NGHE





PHỤ LỤC



NGUỒN VỐN DỰ KIẾN

DVT: triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn cố định	600,00	
2	Vốn lưu động	200,00	
3	Tổng vốn đầu tư	800,00	

CƠ CẤU VỐN

DVT: triệu đồng

	Nguồn vốn	Giá trị	Tỷ trọng	Chi phí SD vốn	Suất CK bq
1	Vốn góp	150	18,75%	6,0%	10,06%
2	Vốn vay	650	81,25%	11%	
	Tổng cộng	800	100%		

ỷ lệ lạm phát dự kiến: 5%/năm

=> Suất chiết khấu của dự án: $r = (i + R) + i.R =$ **15,57%/năm**



PHỤ LỤC



DOANH THU DỰ KIẾN						
ĐVT: đồng						
TT	Khoản mục	Giai đoạn SX-KD				
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
1	Sản lượng					
	<i>Gạch trang trí các loại (m2)</i>	<i>4.000</i>	<i>5.000</i>	<i>8.000</i>	<i>12.000</i>	<i>15.000</i>
	<i>Bó vỉa (viên)</i>	<i>400</i>	<i>600</i>	<i>750</i>	<i>1.000</i>	<i>1.250</i>
	<i>Lưới chắn rác (cái)</i>	<i>300</i>	<i>360</i>	<i>450</i>	<i>600</i>	<i>750</i>
	<i>Lục bình (cái)</i>	<i>300</i>	<i>400</i>	<i>750</i>	<i>1.000</i>	<i>1.250</i>
2	Giá bán đơn vị SP					
	<i>Gạch trang trí các loại</i>	<i>220.000</i>	<i>226.600</i>	<i>233.398</i>	<i>240.400</i>	<i>247.612</i>
	<i>Bó vỉa</i>	<i>320.000</i>	<i>329.600</i>	<i>339.488</i>	<i>349.673</i>	<i>360.163</i>
	<i>Lưới chắn rác</i>	<i>500.000</i>	<i>515.000</i>	<i>530.450</i>	<i>546.364</i>	<i>562.754</i>
	<i>Lục bình</i>	<i>420.000</i>	<i>432.600</i>	<i>445.578</i>	<i>458.945</i>	<i>472.714</i>
3	Doanh thu					
	<i>Gạch trang trí các loại</i>	<i>880.000.000</i>	<i>1.133.000.000</i>	<i>1.867.184.000</i>	<i>2.884.799.280</i>	<i>3.714.179.073</i>
	<i>Bó vỉa</i>	<i>128.000.000</i>	<i>197.760.000</i>	<i>254.616.000</i>	<i>349.672.640</i>	<i>450.203.524</i>
	<i>Lưới chắn rác</i>	<i>150.000.000</i>	<i>185.400.000</i>	<i>238.702.500</i>	<i>327.818.100</i>	<i>422.065.804</i>
	<i>Lục bình</i>	<i>126.000.000</i>	<i>173.040.000</i>	<i>334.183.500</i>	<i>458.945.340</i>	<i>590.892.125</i>
4	Tổng doanh thu	1.284.000.000	1.689.200.000	2.694.686.000	4.021.235.360	5.177.340.526



PHỤ LỤC



CHI PHÍ DỰ KIẾN							
TT	Khoản mục	Năm					Chi chú
		1	2	3	4	5	
1	Chi phí trực tiếp	577.800.000	760.140.000	1.212.608.700	1.849.768.266	2.381.576.642	
	- Chi phí nguyên nhiên vật liệu	321.000.000	422.300.000	673.671.500	1.005.308.840	1.294.335.132	25% doanh thu
	- Chi phí nhân công trực tiếp	192.600.000	253.380.000	404.202.900	603.185.304	776.601.079	15% DT
	- Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	25.680.000	33.784.000	53.893.720	120.637.061	155.320.216	2-3% DT
	- Chi phí khác	38.520.000	50.676.000	80.840.580	120.637.061	155.320.216	3%
2	Chi phí quản lý	240.000.000	240.000.000	300.000.000	300.000.000	360.000.000	20-30 triệu/tháng
3	Chi phí bán hàng	128.400.000	168.920.000	255.995.170	321.698.829	362.413.837	10-7% doanh thu
	Tổng chi phí	946.200.000	1.169.060.000	1.768.603.870	2.471.467.094	3.103.990.479	



PHỤ LỤC



KẾ HOẠCH NGÂN LƯU DỰ ÁN

Khoản mục	Năm đầu tư						ĐVT: triệu đồng
	0	1	2	3	4	5	
HS CK r1	1,000	0,865	0,749	0,648	0,561	0,485	
Dòng chi	800	-	-	-	-	-	
+ Vốn ĐT ban đầu	800						
Dòng thu	-	232	381	707	1.207	1.626	
Lãi ròng		112	261	587	1.087	1.506	
Khấu hao		120	120	120	120	120	
Dòng tiền ròng CFt	- 800	232	381	707	1.207	1.626	
Hiện giá DTR PV(CFt1)	- 800	201	285	458	677	789	
Lũy kế PV(CFt)	- 800	- 599	- 314	144	821	1.609	
HS CK r2	1,0000	0,8000	0,6400	0,5120	0,4096	0,3277	
PV(CFt2)	- 800	185	244	362	494	533	
Lũy kế PV(CFt2)	- 800	- 615	- 371	- 9	486	1.018	
	NPV =	1.609	triệu đồng				
	T(hv) =	2 năm	8,2	tháng			

NPV = 1.609 triệu đồng > 0

Thời gian hoàn vốn: 2 năm 8 tháng